

0.a. Goal

Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 8.1: Duy trì tăng trưởng GDP bình quân đầu người 4 - 4,5%/năm và tăng trưởng GDP hàng năm trung bình từ 5 - 6% (mục tiêu 8.1 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 8.1.2. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

1.f. Contact mail

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@gso.gov.vn.

2.a. Definition and concepts

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước quý, 6 tháng, 9 tháng, năm (kỳ) là tỷ lệ phần trăm tăng lên của tổng sản phẩm trong nước (GDP) của kỳ này so với của cùng kỳ năm trước.

2.b. Unit of measure

Tỷ đồng

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ

3.a. Data sources

Chỉ tiêu được tính toán từ báo cáo số liệu GDP và giá trị tăng thêm (VA) các ngành, nhóm ngành, thuế sản phẩm, loại hình kinh tế,... hàng quý và hàng năm theo giá so sánh của Tổng cục Thống kê.

3.d. Data release calendar

Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.

3.e. Data providers

Tổng cục Thống kê

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê

4.a. Rationale

Chỉ tiêu này phản ánh tăng trưởng về mặt khối lượng hàng hóa và dịch cuối cùng của nền kinh tế được tạo ra trong một thời kỳ nhất định quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước được tính cho các ngành, các nhóm ngành, các loại hình kinh tế, vùng lãnh thổ, nhằm đánh giá nhịp điệu phát triển kinh tế của cả nước, một ngành hoặc một vùng lãnh thổ.

4.c. Method of computation

Method of computation

Tốc độ tăng trưởng GDP được tính theo giá so sánh theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng GDP (\%)} = \frac{\text{GDP}_{n1}}{\text{GDP}_{n0}} \times 100 - 100$$

Trong đó:

GDP_{n1} : Là GDP theo giá so sánh của quý, 6 tháng, 9 tháng hoặc năm báo cáo;

GDP_{n0} : Là GDP theo giá so sánh của quý, 6 tháng, 9 tháng hoặc năm trước năm báo cáo.

b) Tính tốc độ tăng trưởng GDP bình quân theo thời kỳ (nhiều năm)

Công thức tính:

$$d_{\text{GDP}} = \left(\sqrt[n]{\frac{\text{GDP}_n}{\text{GDP}_0}} - 1 \right) \times 100$$

Trong đó:

d_{GDP} : Tốc độ tăng GDP bình quân năm thời kỳ; từ sau năm gốc so sánh đến năm thứ n ;

GDP_n : GDP theo giá so sánh năm cuối (năm thứ n) của thời kỳ nghiên cứu;

GDP_0 : GDP theo giá so sánh năm gốc so sánh của thời kỳ nghiên cứu;

n : Số năm tính từ năm gốc so sánh cho đến năm báo cáo.

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn hàng năm từ 2010-2019

Số liệu có đầy đủ theo các phân tổ: ngành kinh tế; loại hình kinh tế; khu vực kinh tế

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu “Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước” phản ánh các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (mục tiêu 8.1), không có trong Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững toàn cầu

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>